

Số: 141/KH-MNHH

Hải Hòa, ngày 28 tháng 08 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024 - 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của Giáo dục mầm non (GDMN), giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, trường mầm non Hải Hòa xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024 -2025 cụ thể như sau:

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Sau đại hội Đảng các cấp lần thứ XXIV, Thành phố Móng Cái chú trọng tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện tích cực Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về “Đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hội nhập Quốc tế...” và Đề án 288-ĐA/UBND ngày 04/8/2021 của UBND thành phố Móng Cái về “Xây dựng đội ngũ nhà giáo và đầu tư cơ sở vật chất trường học đảm bảo các điều kiện để nâng cao chất lượng chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025”. Với tinh thần trên, UBND thành phố Móng Cái và Phòng Giáo dục đào tạo thành phố lại tiếp tục rà soát các trường có điều kiện thẩm định lại trường chuẩn và trong đó có trường Mầm non Hải Hòa.

- Nhu cầu của phụ huynh gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng.

- Công tác xã hội hoá giáo dục đã có chuyển biến tích cực, công tác chăm sóc và giáo dục của nhà trường luôn được sự quan tâm của Đảng uỷ, chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương, đặc biệt luôn được sự chỉ đạo tận tình của Phòng GD&ĐT thành phố Móng Cái, Sở GD&ĐT Quảng Ninh cũng như các ban ngành đoàn thể của UBND thành phố Móng Cái đã đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất đáp ứng đảm bảo nhu cầu của đơn vị.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

- Thành phố Móng Cái là thành phố địa đầu của Tổ quốc với môi trường thân thiện, nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, là điểm đến lý tưởng của nhiều du khách trong và ngoài tỉnh. Phường Hải Hòa có cửa khẩu cầu Bắc Luân II, là một địa điểm phát triển kinh tế, giao thương giữa hai nước, đây là những điểm đến có thể giúp cho trẻ, giáo viên và nhà trường có nhiều cơ hội được tham quan, học tập, vận dụng phù hợp vào kế hoạch phát triển chương trình và đáp ứng được mục tiêu giáo dục của nhà trường đề ra một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

1.2. Thách thức

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi cán bộ quản lý của nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời.

- Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý tại trường mầm non cần phải đảm bảo nâng cao năng lực, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và các kỹ năng về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý trên địa bàn thành phố Móng Cái nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung.

- Trình độ nhận thức của nhiều cha mẹ học sinh còn thấp, chưa có hiểu biết về bậc học mầm non, chưa có sự quan tâm đến việc cần thiết cho trẻ đến trường, nhất là với trẻ nhà trẻ.

2. Bối cảnh bên trong

Trường Mầm non Hải Hòa nằm trên địa bàn phường Hải Hòa là phường vùng ven thành phố. Điều kiện kinh tế còn khó khăn, người dân chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, buôn bán nhỏ và làm nghề tự do. Phụ huynh học sinh ít có thời gian quan tâm chăm lo đến trẻ mầm non.

2.1. Điểm mạnh

a) Truyền thống nhà trường, phương châm giáo dục và tầm nhìn của nhà trường (sứ mệnh, giá trị cốt lõi)

- Trường mầm non Hải Hòa được thành lập từ năm học 2001 -2002 theo QĐ số 2410/2001/QĐ-UB ngày 18/10/2001 của UBND thị xã Móng Cái về việc thành lập trường mầm non.

- Trong nhiều năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương..

- Tập thể trường mầm non Hải Hòa đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên duy trì chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cụ thể:

+ Năm học 2023-2024, trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

- **Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi:**

+ **Tầm nhìn:** - Được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I năm 2014 theo QĐ số 118/QĐ-UBND ngày 17/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. ,

- Được công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2016 theo QĐ 3636/QĐ-SGDĐT ngày 21/10/2016 của Sở GD và ĐT Tỉnh Quảng Ninh về việc công nhận trường mầm non Hải Hòa, TP Móng Cái đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

+ **Sứ mệnh:** Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; Mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; Để các con trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử cho phải phép.

+**Giá trị cốt lõi:**

- Tâm: Chăm sóc, giáo dục trẻ bằng tình yêu thương, sự công bằng, tôn trọng và trách nhiệm. Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, là yếu tố quyết định cho sự phát triển trong xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, với phương châm “Bé vui khỏe - Cô hạnh phúc”.

- Trí: Luôn đổi mới và vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến; Thái độ đúng mực và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của các bậc cha mẹ trẻ.

- Đức: Đề cao và phát huy đạo đức nhà giáo, tuân thủ quy chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

b) Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý

- Tổng số 52 CBQL, GV, NV (03 CBQL, 36 GV (tính cả giáo viên biệt phái), 13 NV (01 y tế, 01 kế toán, 06 nhân viên nấu ăn, 03 nhân viên bảo vệ, 02 nhân viên vệ sinh). Trong đó: 01 giáo viên người dân tộc Sán Chỉ.

+ Ban Giám hiệu trường có 03 đồng chí đều có trình độ chuyên môn Đại học. Hàng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá, xếp loại theo Quy

định Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. Ban giám hiệu đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đội ngũ giáo viên nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo 2 GV nhà trẻ/lớp và 2,4 GV mẫu giáo/lớp. 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Lực lượng giáo viên trường luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giản dị, yêu nghề mến trẻ, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ. Tập thể giáo viên luôn hòa đồng, thể hiện tinh thần sáng tạo, giúp đỡ nhau tận tình qua học tập các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn; tích cực tham gia các phong trào thi đua do Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, nhà trường phát động.

+ Đội ngũ nhân viên của trường: 18 người (2 viên chức, 16 hợp đồng). Trình độ chuyên môn: 01 kế toán - Đại học, 01 y tế - TCYSDK, 02 cấp dưỡng có chứng chỉ nấu ăn, 08 cấp dưỡng, 04 bảo vệ, 02 vệ sinh, chăm sóc cây chưa qua đào tạo.

c) Môi trường giáo dục và các điều kiện về cơ sở vật chất

- Nhà trường có 03 điểm trường, có đủ các phòng làm việc cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên;

- Có 12 phòng học, trong đó 01 phòng bán kiên cố; 11 phòng kiên cố. *(năm học 2024 - 2025 còn thiếu 03 phòng học, hiện đang sử dụng phòng nghệ thuật, phòng nhân viên làm lớp học)* số phòng học hiện có đáp ứng cơ bản nhu cầu các hoạt động cho trẻ.

- Thiết bị đồ dùng, đồ chơi cơ bản đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động cho trẻ;

- Nhà trường cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành.

- Tài chính, ngân sách đáp ứng đảm bảo nhu cầu cho các hoạt động trong nhà trường.

2.2. Điểm yếu

a. Đội ngũ

- Thiếu nhân viên vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ (công nghệ thông tin; Văn thư và thủ quỹ). Đội ngũ nhân viên bếp, bảo vệ nhà trường chưa qua trường lớp đào tạo;

b. Điều kiện cơ sở vật chất

- Cơ sở vật chất đã xuống cấp (Khu trung tâm thiếu phòng học, sân trường khu 3 không bằng phẳng, hệ thống thoát nước kém, mưa to là nước dâng cao lụt sân, phòng học khu 3, khu 4 đều xuống cấp, mưa dột, ngấm nước ...)

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn; đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Mục tiêu cụ thể của từng lĩnh vực

2.1. Nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

2.1.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2.1.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

2.1.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

2.1.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

2.2. Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị tâm thế cho trẻ học tập ở trường tiểu học.

2.2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân

2.2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

2.2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

2.2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.2.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

IV. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Kế hoạch thực hiện

a. Phân phối thời gian

- Căn cứ theo Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09 tháng 08 năm 2024, của UBND tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc đề nghị ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Chương trình thiết kế cho 35 tuần học/năm học cụ thể:

Ngày bắt đầu học kỳ 1	Ngày kết thúc học kỳ 1	Ngày bắt đầu học kỳ 2	Ngày kết thúc học kỳ 2	Kết thúc năm học
05/9/2024	10/01/2025	13/01/2025	23/5/2025	30/5/2025

b) Chế độ sinh hoạt

- Nhà trẻ:

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ

*** Trẻ 24 - 36 tháng tuổi**

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

- Mẫu giáo:

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày tại trường một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

2. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi¹ và Kết quả mong đợi²

2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a. Nhà trẻ

(1) Tổ chức ăn

Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal

- Số bữa ăn tại trường: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. Bữa sáng cung cấp khoảng 10% - 15% nhu cầu năng lượng cả ngày.

+ *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 lít - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

(2) Tổ chức ngủ

- Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

(3) Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

(4) Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

(Thực hiện tốt bảng kiểm theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD “Thông tư quy định về Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non”).

b. Mẫu giáo:

(1) Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
- Số bữa ăn tại trường: Một bữa chính và một bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. Bữa sáng cung cấp khoảng 10% - 15% nhu cầu năng lượng cả ngày.
- + *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*
- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa
- Nhà trường thường xuyên thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn để tăng phần hứng thú, giúp trẻ tự giác xúc cơm, ăn ngon miệng, ăn hết suất như : Tổ chức ăn bữa cơm gia đình (sử dụng đồ dùng bằng sứ, sử dụng nĩa...) cho trẻ ở khối MG Lớn ; ăn cơm khay, ăn cải thiện cho MG Nhỡ và Lớn vào thứ 6 cuối tuần, cuối tháng; tổ chức cho trẻ ăn Buffet nhân dịp các ngày lễ, vui hội...

(2) Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

(3) Vệ sinh

Vệ sinh cá nhân.

Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

(4) Chăm sóc sức khỏe và an toàn

Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. Thực hiện công tác phòng chống Covid, đẩy mạnh tuyên truyền với CMHS công tác tiêm Vắcxin Covid-19 cho trẻ 5 tuổi tại nhà trường

Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

Thực hiện tốt bảng kiểm theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD “Thông tư quy định về Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non”

2.2. Giáo dục

2.2.1. Độ tuổi 24-36 tháng (Có phụ lục 1 kèm theo)

2.2.2. Độ tuổi 3-4 tuổi (Có phụ lục 2 kèm theo)

2.2.3. Độ tuổi 4-5 tuổi (Có phụ lục 3 kèm theo)

2.2.4. Độ tuổi 5-6 tuổi (Có phụ lục 4 kèm theo)

3. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục

3.1 Các hoạt động giáo dục

a. Nhà trẻ

(1) Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

(2) Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

(3) Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

(4) Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

(5) Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hàng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

b. Mẫu giáo

(1) Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.

- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

(2) Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

(3) Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

(4) Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

3.2. Hình thức tổ chức

a. Nhà trẻ

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

b. Mẫu giáo

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3.3. Phương pháp giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

(3). Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

(4). Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

(5). Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

b. Mẫu giáo

(1). Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

(3). Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

(4). Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

3.4. Tổ chức môi trường giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.

+ Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

b. Mẫu giáo

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[80], chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

4. Đánh giá sự phát triển của trẻ³

a. Nhà trẻ

ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

(1). Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

(2). Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
 - Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
 - Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
 - Sử dụng bài tập tình huống.
-

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

b. Mẫu giáo

ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

(1) Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

(2) Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

(3) Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu Trưởng

- Biên soạn, duyệt và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về chương trình giáo dục nhà trường

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường tới các tổ chuyên môn

3. Đối với các tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục căn cứ vào kế hoạch của nhà trường và đặc điểm của trẻ và nhóm/lớp.

Xây dựng kế hoạch sát với điều kiện của tổ chuyên môn về các vấn đề trọng tâm sát với mục tiêu giáo dục của Sở, phòng và trường đã đề ra.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy chưa phù hợp sẽ thống nhất điều chỉnh nội dung kế hoạch (nếu có)

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

4. Đối với giáo viên

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường.

Thực hiện xây dựng và tổ chức các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình đặc điểm của trẻ tại nhóm/lớp.

Thực hiện đánh giá cuối mỗi ngày, tháng, mỗi giai đoạn/ chủ đề để có những điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Phân công phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn xây dựng bộ công cụ đánh giá, lấy đó làm cơ sở để giáo viên, các tổ chuyên môn và CBQL đánh giá việc thực hiện phát triển chương trình giáo dục của nhà trường một cách kịp thời

Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực hiện những nội dung trong chương trình, rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp thực hiện trong thời gian tới, để điều chỉnh những bất cập, cải tiến và xây dựng kế hoạch của nhà trường được hiệu quả hơn

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các bộ phận cần kịp thời phản ánh về ban lãnh đạo nhà trường để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non của trường mầm non Hải Hòa năm học 2024 - 2025. Đề nghị tất cả giáo viên, nghiên cứu và triển khai thực hiện kịp thời./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (b/c);
- CBGVNV (th/h);
- Lưu VT-HSCM.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Tuyết Mai